

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2023/HSST

Ngày 02/08/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lê Văn Tình

2. Ông: Nguyễn Xuân Ký

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Kế Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 08 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 06 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/HSST ngày 22/06/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/HSST – QĐ ngày 05/07/2023 đối với các bị cáo:

1. **Võ Viết N.** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 20/04/1985 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn H T, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông Võ Viết V và bà Nguyễn Thị N.

Nhân thân:

- Ngày 30/11/2005, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn - TP. Hồ Chí Minh xử tù có thời hạn 06 tháng theo bản án số 127/HSST về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 01/10/2007, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân khởi tố bị cáo về tội Cố ý gây thương tích. Ngày 23/01/2008, Tòa án nhân dân huyện Như Xuân ra quyết định đình chỉ vụ án do bị hại rút đơn yêu cầu.

Tiền án:

- Ngày 22/01/2010, Tòa án huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù theo bản án số 01/HSST về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng đến ngày 29/9/2014 mới chấp hành xong án phí nên chưa được xóa án tích.

- Ngày 29/02/2012, Tòa án huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù theo bản án số 05/HSST về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng đến ngày 23/9/2015 bị cáo mới chấp hành số tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, tiền tịch thu sung công, nên chưa được xóa án tích.

- Ngày 11/7/2014, bị Tòa án huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo bản án số 26/2014/HSST. Ngày 28/01/2022, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12/12/2022 đến ngày 15/12/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 15/09/1991 tại huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm M L, xã Ng L, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trương Thị Th; Bị cáo đã ly hôn. Bị cáo có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án : 02

- Ngày 18/9/2014, bị Tòa án nhân dân Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án hình sự sơ thẩm số 326/2014/HS-ST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí, chưa chấp hành nộp số tiền bị truy thu nên chưa được xóa án tích.

- Ngày 02/2/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 02 năm 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án hình sự sơ thẩm số 04/2016/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí hình sự sơ thẩm. Chưa chấp hành nộp án phí dân sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 20/3/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân cho đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Đức L; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 28/04/1996 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Bá Đ và bà Hoàng Thị Đ; Vợ: Mai Thị Thanh H, sinh năm: 1996. Bị cáo có 01 con sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 04/12/2022 đến ngày 13/12/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân. Đến ngày 17/01/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/3/2023 cho đến nay. Có mặt.

4. **Nguyễn Anh T1.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 07/09/1998 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th; Vợ: Bùi Thị Ngọc A, sinh năm: 2001. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 04/12/2022 đến ngày 13/12/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân. Đến ngày 17/01/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/3/2023 đến nay. Có mặt.

5. **Lô Văn Th.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 03/02/1994 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn M, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 0/12; Con ông Lô Văn Y và bà Lê Thị H; Vợ: Trần Thị T, sinh năm: 1996. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 08/12/2022 đến ngày 14/12/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân. Đến ngày 17/01/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/3/2023 cho đến nay. Có mặt.

6. **Lê Đình H.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 17/2/1989 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn N M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Lê Đình H và bà Lương Thị Ph. Vợ: Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1991. Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án : 01. Ngày 11/9/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 20.0000.000 đồng theo bản án 24/2018/HSST về tội Đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 22/02/2022 nên chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 04/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân đến ngày 13/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

7. **Nguyễn Hữu V.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 28/9/1997, tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn X Kh, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao

động Tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị H. Nhân thân: Ngày 16/01/2020, bị Công an huyện Như Xuân xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Cố ý gây thương tích. Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 24/02/2022, bị Công an huyện Như Xuân xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Cố ý gây thương tích. Ngày 06/12/2022, đã chấp hành nộp phạt. Chưa được xóa tiền sự. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 04/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân đến ngày 13/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

8. **Đàm Anh S.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 17/11/1998, tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn B, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Đàm Tuấn V và bà Lê Thị H. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 04/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân đến ngày 13/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

9. **Phạm Văn H1.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 22/6/2001, tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn M H, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động Tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Phạm Văn Kh và bà Nguyễn Thị L. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân đến ngày 13/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

10. **Nguyễn Nhật A.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 27/9/2000, tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động Tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị H. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 06/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân đến ngày 13/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

11. **Vũ Hoàng Tuấn A1.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 14/8/1993, tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông : Hoàng Đình Th và bà: Vũ Thị V. Vợ: Lò Thị H, sinh năm 1996, bị cáo có 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ

từ ngày 04/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân đến ngày 13/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

12. **Lữ Văn Th1**. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 04/4/1992, tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Con ông Lữ Văn Th và bà Mai Thị H. Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 04/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân đến ngày 13/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

13. **Trần Đức Q**. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 16/3/2001, tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động Tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Trần Khắc T và bà Trần Thị D. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 04/12/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân đến ngày 13/12/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

- **Người bào chữa cho các bị cáo Lô Văn Th và Lữ Văn Th1**: Ông Hoàng Đức Hiếu - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh TGPL số 4 thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án**:

1) Anh Nguyễn Văn V - Sinh năm: 1989; Địa chỉ: xóm M L, xã Ng L, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;

2) Anh Nguyễn Văn S1; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: thôn N M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

- **Người làm chứng**:

1) Anh Tạ Quang T2; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: thôn X Kh, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

2) Anh Trần Xuân T3; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: thôn M , xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

3) Anh Đoàn Văn Tr; Sinh năm: 1994; Địa chỉ: thôn M H, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

4) Anh Trần Văn Đ; Địa chỉ: thôn M , xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

- 5) Ông Phạm Duy H2; Sinh năm: 1944; Địa chỉ: thôn C, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 6) Bà Nguyễn Thị L1; Sinh năm: 1942; Địa chỉ: thôn C, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 7) Chị Vương Thị D; Sinh năm: 1984; Địa chỉ: thôn C, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 8) Anh Lê Ngọc H3; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 9) Anh Đỗ Huy H4; Sinh năm: 1994; Địa chỉ: thôn C, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 10) Anh Trần Quang Đại D1; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 11) Anh Lê Hồng Th2; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 12) Bà Vũ Thị Th3; Sinh năm: 1966; Địa chỉ: thôn C, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 13) Anh Võ Thế V2; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: thôn H, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 14) Ông Nguyễn Sỹ Ch1; Sinh năm: 1959; Địa chỉ: thôn C, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 15) Anh Lê Hồng Th2; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 16) Chị Ngô Thị X1; Sinh năm: 1979; Địa chỉ: thôn C, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 17) Chị Hoàng Thị Th4; Sinh năm: 1979; Địa chỉ: thôn C, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn V. Vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Văn S1 và vắng mặt tất cả những người làm chứng là Anh Tạ Quang T2, Anh Trần Xuân T3, Anh Đoàn Văn Tr, Anh Trần Văn Đ, Ông Phạm Duy H2, Bà Nguyễn Thị L1, Chị Vương Thị D, Anh Lê Ngọc H3, Anh Đỗ Huy H4, Anh Trần Quang Đại D1, Anh Lê Hồng Th2, Bà Vũ Thị Th3, Anh Võ Thế V2, Ông Nguyễn Sỹ Ch1, Anh Lê Hồng Th2, Chị Ngô Thị X1, Chị Hoàng Thị Th4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 03/12/2022, Nguyễn Đức L (sinh năm 1996), Nguyễn Anh T1 (sinh năm 1998) cùng trú tại Thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa và Đàm Anh S (sinh năm 1998 ở Thôn B, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) đi đám Cưới tại thôn H, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Do không vừa ý với Nguyễn Văn T (sinh năm 1991 ở Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An) từ trong đám cưới, nên khoảng 13 giờ 30 phút khi thấy Nguyễn Văn T đi ra khỏi đám cưới, L cùng T và S đã lên xe máy do L điều khiển đuổi theo xe của Nguyễn Văn T do Tạ Quang T2 (Sinh năm 1990 ở thôn X Kh, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) điều khiển. Khi bám theo xe T vừa qua cổng UBND xã Bãi Trành ở thôn C, xã B Tr được khoảng 70 mét thì L, S, T dừng được xe máy của Nguyễn Văn T. Sau khi dừng được xe, cả ba người xuống xe và lao vào dùng tay, chân để đánh Nguyễn Văn T. Sau đó, được Tạ Quang T2 và người dân gần đó can ngăn nên Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Đàm Anh S lên xe máy quay lại đám cưới.

Tại đám cưới, Lê Đình H (sinh năm 1989 ở thôn N M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) và Võ Viết N (sinh năm 1985 ở thôn H T, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) biết được tin L, T2, S vừa đánh Nguyễn Văn T (là bạn với H và N) nên bảo L, T2, S quay lại để xin lỗi, giảng hòa với Nguyễn Văn T và hứa sẽ đứng ra giảng hòa cho hai bên để tránh xô sát sau này. Sau đó, Lê Đình H cùng với Lô Văn Th (sinh năm 1994 ở Thôn M, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) đi xuống trước, ngay sau đó có thêm Vũ Hoàng Tuấn A1 (sinh năm 1993 ở Thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) đi cùng với Lữ Văn Th1 (sinh năm 1992 ở Thôn M H, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa) và Nguyễn Anh T1 và mấy người nữa đi xe máy đến.

Lúc này, Lê Đình H bảo Nguyễn Văn T đứng lên đi vào trong quán bên đường nói chuyện nhưng Nguyễn Văn T không nghe và có lời qua tiếng lại to tiếng với H, nên H bực tức, cầm 01 mũ phớt ném về phía Nguyễn Văn T và chửi bới. Th cũng cầm 01 chiếc áo ném về phía Nguyễn Văn T. Đúng lúc này, Nguyễn Đức L, Võ Viết N và Đàm Anh S đi xe máy đến, thấy Lê Đình H đang to tiếng với Nguyễn Văn T nên N đã lao vào đám 01(một) cái vào đầu H, rồi H và N lao vào đánh nhau, thấy H bị N đánh thì L lại lao vào đánh nhau với N trên đường. Lúc này có anh Nguyễn Văn S1 và nhiều người đang có mặt can ngăn. Do lộn xộn, anh Nguyễn Văn S1 bị L đâm nhảm một cái vào mặt. Lúc này, có Trần Đức Q (sinh năm 2001 ở Thôn M, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa); Nguyễn Hữu V (sinh năm 1997 ở Thôn X Kh, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa); Phạm Văn H1 (sinh năm 2001 ở Thôn M H, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa); Nguyễn Nhật A (sinh năm 2000 ở Thôn M , xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh

Hóa) cũng đến và can ngăn, nhưng Võ Viết N và Lê Đình H1 vẫn lao vào đánh nhau.

Nguyễn Văn V (sinh năm 1986) là anh trai của Nguyễn Văn T được T gọi điện đến đón nên đã đi xe máy đến và đi lại chỗ đám đông đang đứng gần Nguyễn Văn T (do trước đó T gọi điện thoại cho V đến đón về). Khi đến, V hỏi ai là người đã đánh em trai mình. Cùng lúc này, do đang bức tức L nên Nguyễn Văn T đã đứng lên lao vào đám một cái vào đầu Nguyễn Đức L đang đứng cùng đám đông trước mặt T. Bức tức vì bị Nguyễn Văn T đánh nên Nguyễn Đức L rút dây thắt lưng ra (L khai báo khi rút dây thắt lưng ra thì bị rơi mất mặt kim loại), L gấp đôi dây thắt lưng lại và đánh V hai cái rồi đuổi theo dùng dây thắt lưng để đánh Nguyễn Văn T; Nguyễn Anh T1 thì nhặt một viên đá ném vào người và dùng tay chân đá Nguyễn Văn T; Lô Văn Th cũng lao vào đánh Nguyễn Văn T, quá trình đánh thì Th bốn lần nhặt đá lao lại ném Nguyễn Văn T nhưng có một lần ném về phía người Nguyễn Văn T, còn ba lần được mọi người can ngăn nên Th không ném được; Đàm Anh S, Phạm Văn H1, Vũ Hoàng Tuấn A1 cũng lao vào đánh cả Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn T. Lúc này, Nguyễn Văn T cũng đánh trả lại nhóm của L, nhưng vì nhóm của L đông quá nên Nguyễn Văn T bị đánh từ ngoài đường vào trong hành lang trước cửa nhà dân bên đường thì ngã xuống, rồi tiếp tục bị nhóm trên lao vào đánh. Lúc này, Đàm Anh S và Nguyễn Nhật A thấy thế cũng lao vào cùng với Nguyễn Đức L, Lô Văn Th đánh Nguyễn Văn T, còn Vũ Hoàng Tuấn A1, Trần Đức Q, Lữ Văn Th1 đuổi theo đánh Nguyễn Văn V ra phía ngoài đường, tiếp đến Nguyễn Anh T1 cũng lao từ trong vỉa hè ra đường dùng chân đạp một cái vào người Nguyễn Văn V, sau đó được mọi người can ngăn, nhưng vì nhóm người trên ai cũng đã uống rượu ở đám cưới nên không can ngăn được, một lúc sau thì đám đông dừng lại không đánh Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn V nữa. Khi Nguyễn Văn V lên xe đi về thì Nguyễn Đức L đuổi theo dùng dây thắt lưng vạt hai cái, sau đó, Nguyễn Đức L được Nguyễn Hữu V và Phạm Văn H1 can ngăn, đẩy S bên đường đối diện đứng. Lúc này, Võ Viết N cầm gậy lao về phía Lê Đình H để đánh, N cầm gậy đuổi đánh H nhưng H lùi lại tránh được thì ngã vào xe máy. Thấy Võ Viết N đánh Lê Đình H nên Lô Văn Th, Nguyễn Hữu V, Lê Đình H, Nguyễn Đức L lại lao vào xô xát với Võ Viết N, sau đó, lại được mọi người can ngăn ra, Nguyễn Hữu V đi vào nhà dân gần đó ngồi, Lô Văn Th đi xe máy lên vị trí gần cây xăng Trường Sinh đứng, thì bị Võ Viết N đi đến dùng chân đạp vào người Th ngã xuống xe nên hai bên lại tiếp tục xảy ra xô xát, cả N và Th dùng đá nhặt dưới đường để đánh nhau, sau đó lại được can ngăn nên các đối tượng giải tán đi về, còn Nguyễn Văn T được đưa đi sơ cứu tại Phân viện Bãi Trành.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân đã trưng cầu giám định pháp y về thương tích của Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn V,

Nguyễn Văn T, Lô Văn Th, Võ Viết N và Giám định pháp y về hung khí. Kết quả như sau:

+ Tại Kết luận giám định số 1512/2022/TTPY ngày 26/12/2022 của Trung tâm Pháp y, Sở y tế tỉnh Thanh Hóa kết luận thương tích của Nguyễn Văn S1 (sinh năm 1992 ở Thôn H T, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa), kết quả tổng tỉ lệ phần trăm thương tích của anh Nguyễn Văn S1 tại thời điểm giám định là 03% (Ba phần trăm).

+ Tại Kết luận giám định số 1579/2022/TTPY ngày 06/01/2023 của Trung tâm Pháp y, Sở y tế tỉnh Thanh Hóa kết luận thương tích của Nguyễn Văn V (sinh năm 1986 ở Xóm M L, xã Ng L, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An), kết quả tổng tỉ lệ phần trăm thương tích của anh Nguyễn Văn V tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm).

+ Tại Kết luận giám định số 1655/2022/TTPY ngày 19/01/2023 của Trung tâm Pháp y, Sở y tế tỉnh Thanh Hóa kết luận thương tích của Nguyễn Văn T (sinh năm 1991 ở Xóm M L, xã Ng L, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An), kết quả tổng tỉ lệ phần trăm thương tích của anh Nguyễn Văn T tại thời điểm giám định là 04% (Bốn phần trăm).

+ Tại Kết luận giám định số 22/2023/TgT ngày 06/01/2023 của Trung tâm Pháp y, Sở y tế tỉnh Thanh Hóa kết luận thương tích của Lô Văn Th (sinh năm 1994 ở Thôn M, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa), kết quả tổng tỉ lệ phần trăm thương tích của anh Lô Văn Th tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm).

+ Tại Kết luận giám định số 20/2023/TgT ngày 06/01/2023 của Trung tâm Pháp y, Sở y tế tỉnh Thanh Hóa kết luận thương tích của Võ Viết N (sinh năm 1985 ở Thôn H T, xã X B, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa), kết quả tổng tỉ lệ phần trăm thương tích của anh Võ Viết N tại thời điểm giám định là 02% (Hai phần trăm).

*** Việc thu, giữ đồ vật tài liệu và xử lý vật chứng của vụ án:**

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân đã thu giữ file dữ liệu camera an N của Công an xã Bãi Trành. Ngày 09/12/2022, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định Kỹ thuật số điện tử USB lưu trữ các file dữ liệu camera an ninh của Công an xã Bãi Trành. Tại bản kết luận số: 1230/KL - KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa ngày 27/3/2023 kết luận: Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 02 (hai) tệp video của 01 USB gửi giám định. Hiện USB lưu trữ các file dữ liệu camera an ninh của Công an xã Bãi Trành đang được bảo quản cùng hồ sơ vụ án.

Đối với hung khí các đối tượng khai nhận sử dụng để đánh nhau, gây rối trật tự công cộng, quá trình khám nghiệm hiện trường không phát hiện và thu giữ

được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân đã ra thông báo truy tìm tang vật và phối hợp với chính quyền địa phương truy tìm tang vật liên quan đến vụ án nhưng không có kết quả.

Bản Cáo trạng số: 19/CT- VKSNX ngày 06/06/2023 của Viện trưởng VKSND huyện Như Xuân, Thanh Hóa truy tố bị cáo Võ Viết N về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b, e Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự;

Truy tố các bị cáo Lê Đình H, Phạm Văn H1, Nguyễn Hữu V, Đàm Anh S, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại Khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 BLHS.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo: **Võ Viết N** từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 BLSH;

Đề nghị tuyên phạt bị cáo: **Nguyễn Văn T** từ 24 - 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 BLHS.

Đề nghị tuyên phạt các bị cáo: **Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1 và Lô Văn Th** từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 48 đến 60 tháng. về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 BLSH đối với bị cáo Lê Đình H;

Đề nghị tuyên phạt bị cáo: **Lê Đình H** từ 05 đến 08 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; trừ đi thời hạn bị cáo đã tạm giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 BLSH đối với bị cáo Nguyễn Hữu V;

Đề nghị tuyên phạt bị cáo: **Nguyễn Hữu V** từ 04 đến 07 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; trừ đi thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; Điều 17; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 36 BLSH;

Đề nghị tuyên phạt bị cáo: **Đàm Anh S** từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Gây rối trật tự công cộng”; trừ đi thời hạn bị cáo đã tạm giữ.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo: **Phạm Văn H1, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q** từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Gây rối trật tự công cộng”; trừ đi thời hạn các bị cáo đã tạm giữ.

- Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo do các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định.

- Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Luật án phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016 của QH khóa 14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST. Miễn án phí HSST đối với bị cáo **Lô Văn Th**.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn V không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Anh T1, Nguyễn Đức L, Đàm Anh S, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q phải bồi thường gì về dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S1 vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo **Lô Văn Th và Lữ Văn Th1** nêu quan điểm: Nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố các bị cáo Lô Văn Th và Lữ Văn Th1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 318 của Bộ luật Hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lô Văn Th. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lữ Văn Th1. Xem xét cho bị cáo Lô Văn Th, Lữ Văn Th1 được hưởng mức án thấp nhất của hình phạt mà điều luật quy định để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm Th công dân tốt. Về án phí: Do bị cáo Lô Văn Th thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho bị cáo Lô Văn Th.

Bị cáo **Lô Văn Th và Lữ Văn Th1** không bổ sung ý kiến bào chữa và không tranh luận gì.

Các bị cáo còn lại đều không trình bày lời bào chữa và không tranh luận gì với quan điểm luận tội và mức đề nghị của Viện kiểm sát. Những người tham gia tố tụng khác không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/12/2022, do mâu thuẫn bột phát nên Nguyễn Đức L, Đàm Anh S, Lô Văn Th, Phạm Văn H1, Nguyễn Anh T1, Vũ Hoàng Tuấn A1, Nguyễn Hữu V, Võ Viết N, Lê Đình H, Trần Đức Q, Nguyễn Nhật A, Phạm Văn H1, Nguyễn Văn T đã tham gia đuổi đánh nhau tại khu vực tuyến đường ngang Nghi Sơn - Bãi Trành gần Cổng UBND xã Bãi Trành thuộc địa phận thôn C, xã B Tr, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa trong thời gian khoảng 15 đến 20 phút đã phá vỡ trật tự kỷ cương, gây mất trật tự công cộng và an toàn xã hội, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến an N trật tự trên địa bàn và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương, bị quần chúng nhân dân và chính quyền địa phương lên án.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám xét, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các bị cáo, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo Võ Viết N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức L, Lô Văn Th, Nguyễn Anh T1, Lê Đình H, Nguyễn Hữu V, Đàm Anh S, Phạm Văn H1, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo biết rõ hành vi gây rối trật tự công cộng là trái pháp luật, xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc của cuộc sống cộng đồng, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường ở những nơi công cộng, ảnh hưởng đến an N trật tự, gây mất trật tự an toàn công cộng, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo của Võ Viết N đã phạm vào tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b, e Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Hành vi của Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th đã phạm vào tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Hành vi của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Hành vi của Lê Đình H, Phạm Văn H1, Nguyễn Hữu V, Đàm Anh S, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q đã phạm vào tội: “Gây rối trật tự

công cộng” theo quy định tại Khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi và hậu quả: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong pháp luật hình sự vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự. Đây là vụ án có nhiều người tham gia nhưng không có tính chất chủ mưu cầm đầu mà chỉ mang tính bột phát, không có sự phân công vai trò cụ thể, không cấu kết chặt chẽ trong thực hiện hành vi phạm tội nên chỉ là đồng phạm giản đơn giữa các bị cáo trong vụ án. Nhưng cần thiết phải có hình phạt tương xứng đối với hành vi của từng bị cáo để trừng trị và giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[5] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy rằng:

* Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Võ Viết N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th, Lê Đình H, Nguyễn Hữu V, Phạm Văn H1, Đàm Anh S, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Hữu V, Đàm Anh S, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Bị cáo Nguyễn Đức L sau khi thực hiện hành vi phạm tội trở về địa phương bị cáo luôn chấp hành nghĩa vụ của công dân, tích cực lao động sản xuất vào thời điểm diễn ra dịch bệnh covid 19 bị cáo đã cùng với gia đình có nhiều đóng góp về vật chất chung tay vì cộng đồng (Có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú). Mặt khác bị cáo có con ruột bị bệnh tim bẩm sinh, thường xuyên phải đi điều trị, gia đình neo người, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo Nguyễn Hữu V có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến, gia đình thuộc diện gia đình chính sách có công với cách mạng (Có bà nội là thân nhân liệt sĩ), mẹ bị cáo V hiện ốm đau thường xuyên phải đi điều trị. Bản thân bị cáo sau khi phạm tội được trở về địa phương luôn chấp hành đầy đủ nghĩa vụ công dân, tích cực lao động sản xuất, vào thời điểm diễn ra dịch bệnh covid 19 bị cáo đã cùng với gia đình có nhiều đóng góp về vật chất chung tay vì cộng đồng (Có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

Bị cáo Lê Đình H sau khi phạm tội trở về địa phương luôn chấp hành tốt mọi nghĩa vụ của công dân, tích cực lao động sản xuất. Bị cáo có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì.

Bị cáo Nguyễn Anh T1 sau khi phạm tội được tại ngoại trở về địa phương bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt mọi nghĩa vụ của công dân, tích cực lao động sản xuất. Bị cáo có bố đẻ được tặng bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và

hiện đang thuộc diện được hưởng trợ cấp đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ bảo vệ quốc tế theo QĐ 62/2011 ngày 09/11/2011 của chính phủ, bị cáo có mẹ đẻ được tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.

Các bị cáo Lô Văn Th, Phạm Văn H1, Đàm Anh S, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q sau khi phạm tội trở về địa phương bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt quy định pháp luật, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, bản thân các bị cáo luôn thực hiện tốt mọi nghĩa vụ của công dân, tích cực lao động sản xuất, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Riêng bị cáo Lô Văn Th thuộc hộ cận nghèo của địa phương. Bị cáo Lữ Văn Th1 mới thoát cận nghèo vào năm 2023.

Các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th, Đàm Anh S, Nguyễn Nhật A, phạm Văn H1 đã chủ động bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do việc gây thương tích cho Nguyễn Văn T.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo Võ Viết N, Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu V, Phạm Văn H1, Đàm Anh S, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Đình H, ngày 11/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xử phạt 20.0000.000 đồng theo bản án 24/2018/HSST về tội Đánh bạc, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt vào ngày 22/02/2022 nên chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm.

Các bị cáo Đàm Anh S, Lê Đình H, Phạm Văn H1, Trần Đức Q, Lữ Văn Th1, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Nguyễn Hữu V quá trình tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng các đối tượng này chỉ sử dụng tay, chân để đánh nhau, không sử dụng hung khí gì. Do đó, hành vi của Đàm Anh S, Lê Đình H, Phạm Văn H1, Trần Đức Q, Lữ Văn Th1, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Nguyễn Hữu V cấu thành tội Gây rối trật tự công cộng quy định tại Khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th, Võ Viết N trong quá trình tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng L đã sử dụng dây thắt lưng, T và Th sử dụng gạch đá, N sử dụng gậy để đánh nhau. Các công cụ phương tiện trên được các bị cáo sử dụng để đánh nhau, gây rối trật tự công cộng là hung khí, nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th, Võ Viết N cấu thành tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Võ Viết N có 03 tiền án gồm: Ngày 22/01/2010, Tòa án huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An xử tù có thời hạn 06 tháng theo bản án số 01/ST về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng đến ngày 29/9/2014 mới chấp hành xong án phí; Ngày 29/02/2012, Tòa án huyện Như Xuân, Thanh Hóa xử tù có thời hạn 15 tháng theo bản án số 05/HSST về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng đến ngày 23/9/2015 bị cáo mới nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, tiền tịch thu sung công; Ngày 11/7/2014, Tòa án huyện Như Xuân, Thanh Hóa xử tù có thời hạn 08 năm 06 tháng theo bản án số 26/2014/HSST về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và bị áp dụng tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm. Ngày 28/01/2022, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nên chưa được xóa án tích. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 73 Bộ luật hình sự thì thời hạn để xóa án tích đối với bản án năm 2010, năm 2012 được tính lại từ ngày chấp hành xong hình phạt tù của bản án năm 2014 là ngày 28/02/2022. Do đó, đối với các bản án năm 2010, năm 2012 và 2014 thì bị cáo Võ Viết N chưa được xóa án tích. Đến ngày 13/12/2022, bị cáo lại phạm tội mới nên lần phạm tội này của Võ Viết N thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T có 02 tiền án: Ngày 18/9/2014, bị Tòa án nhân dân Th phố Vinh, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án hình sự sơ thẩm số 326/2014/HS-ST; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí, chưa chấp hành nộp số tiền bị truy thu nên chưa được xóa án tích. Ngày 02/2/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 02 năm 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án hình sự sơ thẩm số 04/2016/HS-ST, bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí hình sự sơ thẩm, chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích. Theo quy định tại điểm b, Khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự thì bản án năm 2016 Nguyễn Văn T đã tái phạm, chưa được xóa án tích, đến ngày 13/12/2022 lại phạm tội mới (phạm tội do cố ý) nên lần phạm tội này của Nguyễn Văn T cũng thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

*** Về nhân thân:** Trước lần phạm tội này bị cáo Võ Viết N có nhân thân xấu, 03 tiền án, chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý.

Bị cáo Nguyễn Văn T có 02 tiền án nhưng chưa được xóa án tích.

Đối với bị cáo Lê Đình H, Trước lần phạm tội này bị cáo Lê Đình H có 01 tiền án.

Bị cáo Nguyễn Hữu V trước lần phạm tội này mặc dù chưa có tiền án nhưng bị cáo có 01 tiền sự, chưa được xóa.

Các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th, Đàm Anh S, Phạm Văn H1, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q trước lần phạm tội này đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo Võ Viết N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th, Lê Đình H, Nguyễn Hữu V, Đàm Anh S, Phạm Văn H1, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Kha, Trần Đức Q cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội là bột phát, không có sự phân công vai trò, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên chỉ ở dạng đồng phạm giản đơn. Xong cũng cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

Trong vụ án này các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành.

Đối với các bị cáo Võ Viết N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th là những người thực hiện hành vi phạm tội tích cực hơn nên giữ vai trò cao hơn các bị cáo khác trong vụ án;

Đối với các bị cáo còn lại trong vụ án đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữ vai trò thấp hơn.

Bị cáo Võ Viết N có nhân thân xấu, 03 tiền án chưa được xóa án tích, lại phạm tội mới nên cần cách ly bị cáo này khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải trước lỗi lầm đã phạm và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ đẻ thường xuyên ốm đau (Có xác nhận của chính quyền địa phương). Nên khi lượng hình cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, mặc dù chưa có tiền sự nhưng bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, lại phạm tội mới nên cũng cần cách ly bị cáo này khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo này thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải trước lỗi lầm đã phạm. Mặt khác Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T xuất phát từ hành vi của Nguyễn Đức L, Đàm Anh S và Nguyễn Anh T1. Bản thân bị cáo Nguyễn Văn T có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nên khi lượng hình cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đức L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn,

khai báo trung thực. Sau khi phạm tội, được trở về địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật, có thái độ ăn năn hối cải có xác nhận của chính quyền địa phương về thái độ ăn năn, hối cải của bị cáo. Mặt khác, bị cáo có con nhỏ hiện nay bị bệnh tim bẩm sinh thường xuyên phải đi điều trị tại cơ sở y tế, bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo L. Do bị cáo L không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Mặt khác bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Các bị cáo Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo đều phạm tội lần đầu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn, khai báo trung thực. sau khi phạm tội trở về địa phương các bị cáo và gia đình luôn thực hiện tốt mọi nghĩa vụ của công dân, chấp hành pháp luật, có thái độ ăn năn hối cải có xác nhận của chính quyền địa phương về thái độ ăn năn, hối cải của các bị cáo, tích cực lao động sản xuất. Bị cáo Nguyễn Anh T1 còn có bố để được tặng bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hiện đang thuộc diện được hưởng trợ cấp đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ bảo vệ quốc tế theo QĐ 62/2011 ngày 09/11/2011 của chính phủ, bị cáo có mẹ để được tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước. Bị cáo Lô Văn Th hiện gia đình thuộc hộ cận nghèo của địa phương, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th. Do các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Mặt khác các bị cáo đều có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Bị cáo Lê Đình H phạm tội theo quy định tại khoản 1 điều 318 BLHS nhưng bị cáo có nhân thân xấu, mặc dù chưa có tiền sự nhưng bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lại phạm tội mới, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo này thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải trước lỗi lầm đã phạm. Mặt khác sau khi phạm tội trở về địa phương bị cáo luôn chấp hành pháp luật, thực hiện tốt mọi nghĩa vụ của công dân, tích cực lao động sản xuất. Bị cáo có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Nên

khi lượng hình cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Hữu V mặc dù chưa có tiền án nhưng bị cáo có 01 tiền sự chưa được xóa, lại phạm tội nên cần cách ly bị cáo này khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên bị cáo V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải trước lỗi lầm đã phạm. Mặt khác Bị cáo Nguyễn Hữu V có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến, gia đình bị cáo thuộc diện gia đình chính sách có công với cách mạng (Có bà nội là thân nhân liệt sĩ) hiện tại gia đình đang thờ cúng liệt sĩ, mẹ bị cáo V hiện ốm đau thường xuyên phải đi điều trị. Bản thân bị cáo sau khi phạm tội được tại ngoại trở về địa phương luôn chấp hành pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, tích cực lao động sản xuất, vào thời điểm diễn ra dịch bệnh covid 19 vào năm 2020 và 2021 bị cáo đã cùng với gia đình có nhiều đóng góp về vật chất chung tay vì cộng đồng (Có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú). Nên khi lượng hình cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo V là phù hợp.

Đối với các bị cáo Phạm Văn H1, Đàm Anh S, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn, khai báo trung thực. Sau khi phạm tội được tại ngoại trở về địa phương các bị cáo chấp hành tốt pháp luật, có thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình. Nên khi lượng hình cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo và không cần cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe để giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 điều 36 BLHS thì người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung ngân sách nhà nước. Nhưng hiện tại các bị cáo Phạm Văn H1, Đàm Anh S, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q đều không có công việc và thu nhập ổn định, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, gia đình các bị cáo đều thuộc diện có điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Riêng bị cáo Lữ Văn Th1 thuộc diện hộ cận nghèo vừa được thoát cận nghèo vào năm 2023. Do đó cần xem xét miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo là phù hợp.

6] Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội trên cơ sở xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị

cáo đề lên cho mỗi bị cáo một mức hình phạt nhất định phù hợp vừa đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo cải tạo trở thành công dân lương thiện nhưng đồng thời cũng để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với thương tích của Nguyễn Văn V do các đối tượng Nguyễn Anh T1, Nguyễn Đức L, Đàm Anh S, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q gây ra. Trong đó Nguyễn Đức L sử dụng hung khí là dây thắt lưng để đánh V, các đối tượng còn lại chỉ sử dụng tay chân để đánh. Cơ quan điều tra đã giám định thương tích cho V, tỉ lệ thương tích là 01% (Một phần trăm) và V đã có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự về tội Cố ý gây thương tích và không đề nghị xử lý người gây thương tích. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân không xử lý hình sự đối với các đối tượng trên về hành vi Cố ý gây thương tích, mà chuyển Công an huyện Như Xuân để xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo trên theo quy định tại điểm a, khoản 5 điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với thương tích của Nguyễn Văn T là do các đối tượng Nguyễn Anh T1, Nguyễn Đức L, Lô Văn Th, Nguyễn Nhật A, Phạm Văn H1, Đàm Anh S gây ra. Trong đó, Nguyễn Đức L sử dụng dây thắt lưng đánh, Lô Văn Th sử dụng gạch đá đánh, Nguyễn Anh T1 sử dụng gạch đá đánh, các đối tượng còn lại chỉ sử dụng tay chân đánh. Cơ quan điều tra đã giám định thương tích cho Nguyễn Văn T, tỉ lệ thương tích là 04% (Bốn phần trăm) và T đã có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự về tội cố ý gây thương tích và không đề nghị xử lý người gây thương tích. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân không xử lý hình sự đối với các đối tượng trên về hành vi Cố ý gây thương tích, mà chuyển Công an huyện Như Xuân để xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo trên theo quy định tại điểm a, khoản 5 điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với thương tích của anh Nguyễn Văn S1 là do Nguyễn Đức L dùng tay đánh gây ra. Cơ quan điều tra đã giám định thương tích cho anh S1, tỉ lệ thương tích là 03% (Ba phần trăm) và anh S1 đã có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự về tội Cố ý gây thương tích và không đề nghị xử lý người gây thương tích. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân không xử lý hình sự đối với Nguyễn Đức L về hành vi Cố ý gây thương tích, mà chuyển Công an huyện Như Xuân để xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo trên theo quy định tại điểm a, khoản 5 điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với thương tích của Võ Viết N là do các đối tượng: Lê Đình H, Lô Văn Th, Nguyễn Đức L, Nguyễn Hữu V. Trong đó Lô Văn Th dùng đá để ném. Các đối tượng còn lại dùng tay chân đánh. Cơ quan điều tra đã giám định thương tích cho Võ Viết N, tỉ lệ thương tích là 02% (Hai phần trăm) và N đã có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự về tội Cố ý gây thương tích và không đề nghị xử lý người gây thương tích. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân không xử lý hình sự đối với các đối tượng trên về hành vi Cố ý gây thương tích, mà chuyển Công an huyện Như Xuân để xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo trên theo quy định tại điểm a, khoản 5 điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với thương tích của Lô Văn Th là do Võ Viết N dùng đá và tay chân đánh. Cơ quan điều tra đã giám định thương tích cho Lô Văn Th, tỉ lệ thương tích là 01% (Một phần trăm) và Th đã có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự về tội Cố ý gây thương tích và không đề nghị xử lý người gây thương tích. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân không xử lý hình sự đối với Võ Viết N về hành vi Cố ý gây thương tích, mà chuyển Công an huyện Như Xuân để xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo trên theo quy định tại điểm a, khoản 5 điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn V, quá trình điều tra xác định V có mặt tại nơi xảy ra vụ việc là do được em trai là Nguyễn Văn T gọi đến để đưa T về, khi đến V có hỏi là ai đánh T, có cầm mũ cối trên tay. Tuy nhiên, V không có hành vi thách thức, chửi bới hay đánh ai và cũng không ai bị V đánh, mà khi mọi người lao vào đánh Nguyễn Văn T thì Nguyễn Văn V có giơ mũ cối lên cao và bị xô nên lao người về phía trước, sau đó bị đánh và bỏ chạy. Quá trình điều tra, không đủ cơ sở để xử lý hành vi Gây rối trật tự công cộng đối với Nguyễn Văn V. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân không xử lý đối với Nguyễn Văn V là phù hợp. Nên HĐXX không xem xét.

[8] Về dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Riêng gia đình bị cáo Lô Văn Th thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo Th có đơn xin miễn án phí nên HĐXX xét thấy cần miễn án phí HSST cho bị cáo Th là phù hợp.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Viết N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th, Lê Đình H, Nguyễn Hữu V, Phạm Văn H1, Đàm Anh S, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ: Điểm b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Viết N.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Viết N** 31 (Ba mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/12/2022.

Căn cứ: Điểm e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** 25 (Hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/03/2023.

Căn Cứ: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1 và Lô Văn Th.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức L** 28 (Hai mươi tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 56 (Năm mươi sáu) tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/08/2023.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Anh T1** 26 (Hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 52 (Năm mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/08/2023.

Xử phạt: Bị cáo **Lô Văn Th** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/08/2023.

Giao các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1 cho UBND xã Bãi Trành huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lô Văn Th cho UBND xã X B, huyện N X, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lô Văn Th có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn Cứ: khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Đình H

Căn Cú: khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu V.

Xử phạt Bị cáo **Lê Đình H 06** (Sáu) tháng tù (Được trừ đi thời hạn tạm giữ từ 04/12/2022 đến ngày 13/12/2022). Thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt Bị cáo **Nguyễn Hữu V 04**(Bốn) tháng tù (Được trừ đi thời hạn tạm giữ từ 04/12/2022 đến ngày 13/12/2022). Thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ: khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Đàm Anh S, Phạm Văn H1, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q.

Xử phạt: Bị cáo **Đàm Anh S 11** (Mười một) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 09(chín) ngày tạm giữ (từ ngày 04/12/2022 đến ngày 13/12/2022). Quy đổi thành 27(Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Do đó bị cáo còn phải chấp hành là 10 (Mười) tháng 03(ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn H1 08** (Tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 08(Tám) ngày tạm giữ (từ ngày 05/12/2022 đến ngày 13/12/2022). Quy đổi thành 24 ngày cải tạo không giam giữ. Do đó bị cáo còn phải chấp hành là 07(Bảy) tháng 06 (Sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Nhật A 08** (Tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 07(Bảy) ngày tạm giữ (từ ngày 06/12/2022 đến ngày 13/12/2022). Quy đổi thành 21(hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Do đó bị cáo còn phải chấp hành là 07(Bảy) tháng 09(Chín) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Hoàng Tuấn A1 07**(Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09(Chín) ngày tạm giữ (từ ngày 04/12/2022 đến ngày 13/12/2022). Quy đổi thành 27(Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Do đó bị cáo còn phải chấp hành là 06 (sáu) tháng 03(Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Lữ Văn Th1 07** (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09(Chín) ngày tạm giữ (từ ngày 04/12/2022 đến ngày 13/12/2022). Quy đổi thành 27(Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Do đó bị cáo còn phải chấp hành là 06 (sáu) tháng 03(ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ

ngày cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đức Q 07** (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09(Chín) ngày tạm giữ (từ ngày 04/12/2022 đến ngày 13/12/2022). Quy đổi thành 27(Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Do đó bị cáo còn phải chấp hành là 06 (sáu) tháng 03(ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao Ủy ban nhân dân xã X B, huyện N X giám sát giáo dục trong thời gian các bị cáo Đàm Anh S, Phạm Văn H1 chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao Ủy ban nhân dân xã B Tr, huyện N X giám sát giáo dục trong thời gian các bị cáo Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đàm Anh S, Phạm Văn H1, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại luật thi hành án hình sự.

Về án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 điều 23, nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc các bị cáo Võ Viết N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức L, Nguyễn Anh T1, Lê Đình H, Nguyễn Hữu V, Phạm Văn H1, Đàm Anh S, Nguyễn Nhật A, Vũ Hoàng Tuấn A1, Lữ Văn Th1, Trần Đức Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí HSST.

Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 điều 23, điểm đ Điều 12 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án miễn án phí HSST đối với bị cáo Lô Văn Th.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

(02/08/2023). người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Như Xuân;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an huyện Như Xuân;
- Phòng 7VKSND tỉnh Thanh Hóa.
- UBND xã B Tr, huyện N X;
- UBND xã X B, huyện N X;
- Chi cục THADS huyện Như Xuân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hằng